BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NGÔN NGỮ QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN
(Áp dụng từ năm học 2019 – 2020)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

Số: 425/QĐ-HIU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Chương trình đào tạo của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

Căn cứ Quyết định số 518/TTg ngày 11-07-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Dân lập Hồng Bàng;

Căn cứ quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 27-05-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình Đại học Dân lập Hồng Bàng thành trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;

Căn cứ Quyết định số 4419/QĐ – UBND ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân về việc công nhận Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Văn bản Hợp nhất Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt theo Quyết định này các chương trình đào tạo trình độ Đại học của trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng *(danh sách kèm theo)*;

Điều 2. Các chương trình đào tạo phê duyệt theo Quyết định này được áp dụng từ năm học 2019-2020;

Điều 3. Căn cứ các chương trình đào tạo phê duyệt theo Quyết định này, phòng Quản lý Đào tạo, các Khoa, Bộ môn và các Phòng, Ban chức năng phối hợp lập kế hoạch đào tạo hàng năm; tổ chức biên soạn, thẩm định đề cương chi tiết học phần, giáo trình, tài liệu học tập học phần để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức trong Trường;

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa, Bộ môn và Trưởng các phòng, Ban chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- *HĐQT (để b/c);*
- *Như Điều 3;*
- *Lưu VT.*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Phê duyệt theo Quyết định số 4580-HH ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Đào tạo trình độ Đại học			
TT	**Mã ngành**	**Tên ngành (Mã cấp IV)**	**Chuyên ngành (Mã cấp V của Trường)**
1	**7140201**	Giáo dục mầm non	
2	**7140206**	Giáo dục thể chất	Gym - Fitness
3	**7210302**	Công nghệ điện ảnh – truyền hình	Hoạt hình Manga Nhật, Cartoon Mỹ - 3D
4	**7210402**	Thiết kế công nghiệp	Thiết kế trang trí nội ngoại thất
5	**7210403**	Thiết kế đồ họa	
6	**7210404**	Thiết kế thời trang	
7	**7310630**	Việt Nam học	
8	**7220201**	Ngôn ngữ Anh	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh; Biên phiên dịch; Thương mại – Truyền thông
9	**7310612**	Trung Quốc học	
10	**7310613**	Nhật Bản học	
11	**7310614**	Hàn Quốc học	
12	**7310206**	Quan hệ quốc tế (Tiếng Việt)	
13	**7310206**	Quan hệ quốc tế (Tiếng Anh)	
14	**7320104**	Truyền thông đa phương tiện	
15	**7380101**	Luật (Tiếng Việt)	
16	**7380101**	Luật (Tiếng Anh)	
17	**7380107**	Luật Kinh tế	
18	**7310101**	Kinh tế	Kiểm toán
19	**7340301**	Kế toán	
20	**7340101**	Quản trị kinh doanh (Tiếng Việt)	
21	**7340101**	Quản trị kinh doanh (Tiếng Anh)	
22	**7340201**	Tài chính – Ngân hàng	
23	**7810201**	Quản trị khách sạn (Tiếng Việt)	
24	**7810201**	Quản trị khách sạn (Tiếng Anh)	
25	**7810103**	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	

26	**7510605**	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Tiếng Việt)	
27	**7510605**	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Tiếng Anh)	
28	**7480201**	Công nghệ thông tin (Tiếng Việt)	Hệ thống thông tin; Công nghệ phần mềm
29	**7480201**	Công nghệ thông tin (Tiếng Anh)	
30	**7480202**	An toàn thông tin	
31	**7520201**	Kỹ thuật điện	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
32	**7580101**	Kiến trúc	Kiến trúc công trình
33	**7580201**	Kỹ thuật xây dựng	
34	**7720601**	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	
35	**7720201**	Dược học	Quản lý và cung ứng thuốc; Dược lý – Dược Lâm sàng
36	**7720301**	Điều dưỡng	
37	**7720603**	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Vật lý trị liệu
38	**7720501**	Răng – Hàm – Mặt (Tiếng Việt)	
39	**7720501**	Răng – Hàm – Mặt (Tiếng Anh)	
40	**7720101**	Y Khoa (Tiếng Việt)	
41	**7720101**	Y Khoa (Tiếng Anh)	

Danh sách có 41 chương trình đào tạo trình độ Đại học.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Phê duyệt theo Quyết định số: 425/QĐ-HIU ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Hiệu Trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình : **Truyền thông đa phương tiện**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Truyền thông đa phương tiện**
Mã ngành : **7320104**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình Cử nhân Truyền thông đa phương tiện nhằm đào tạo và cung cấp cho thị trường lao động nguồn nhân lực chất lượng và có khả năng làm chủ công nghệ truyền thông; Có khả năng làm công tác trong lĩnh vực truyền thông, báo chí, thông tin đối ngoại, quan hệ công chúng của các Bộ, Ban, Ngành, các tờ báo, đài phát thanh, đài truyền hình, các tổ chức quốc tế, các công ty truyền thông trong và ngoài nước; Có phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống lành mạnh; Có tác phong làm việc kỷ luật, khoa học, có tinh thần cầu tiến trên cơ sở nhận thức đầy đủ về vai trò - vị trí xã hội của người làm truyền thông; và có khả năng sử dụng tiếng Anh một cách thành thạo.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên ngành Truyền thông đa phương tiện sau khi tốt nghiệp phải có:

- Về kiến thức:

+ PO1: Hiểu biết về kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường, pháp luật và phát triển đất nước để phục vụ công tác chuyên môn.

+ PO2: Có kiến thức chuyên sâu về báo chí đa phương tiện, quảng cáo đa phương tiện, quan hệ công chúng, quản lý và tư vấn dự án truyền thông đa phương tiện trên nền tảng các ứng dụng đa phương tiện như: đồ họa đa phương tiện, thiết kế web, sản xuất phim ngắn.

- Về kỹ năng:

+ PO3: Có kỹ năng làm việc độc lập, giải quyết các vấn đề chuyên ngành

+ PO4: Có kỹ năng viết và biên tập các sản phẩm truyền thông đa phương tiện, tổ chức sự kiện, xây dựng và phát triển quan hệ giữa cá nhân, tổ chức với các nhóm công chúng và giới truyền thông. Ứng dụng và phát triển các sản phẩm quảng cáo đa phương tiện, quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện

+ PO5: Có các kỹ năng về ngoại ngữ, tin học, làm việc nhóm, giao tiếp, khởi nghiệp để thực hiện tốt các công việc chuyên môn.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm:

+ PO6: Có thái độ đúng đắn với nghề nghiệp và xã hội, có chính kiến và có khả năng học tập suốt đời.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện, sinh viên cần đạt các yêu cầu tối thiểu sau:

2.1. Kiến thức

PLO 1. Trình bày và giải thích được các kiến thức về chính trị, xã hội, môi trường, pháp luật và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

PLO 2. Vận dụng được các kiến thức về Khoa học xã hội và nhân văn, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực truyền thông và những kiến thức cơ bản về truyền thông đa phương tiện để hoạt động trong các cơ quan truyền thông, báo chí, các công ty truyền thông.

PLO 3: Vận dụng kiến thức về các thể loại báo chí – truyền thông vào sản xuất các sản phẩm và chương trình truyền thông đa phương tiện.

PLO 4: Áp dụng các kiến thức về kỹ thuật sản xuất các loại truyền thông đa phương tiện từ nhiếp ảnh, quay dựng phim, kịch bản và sản xuất các loại truyền thông kỹ thuật số khác vào hoạt động chuyên môn.

2.2. Kỹ năng

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện sinh viên được trang bị các kỹ năng thực hành và có thể áp dụng có hiệu quả trên thực tiễn nghề nghiệp như:

PLO5: Có kỹ năng viết báo, sản xuất và phát hành các sản phẩm báo chí, tổ chức sự kiện, Viết kịch bản, thiết kế website, phát thanh viên, biên tập viên, PR….

PLO6: có kỹ năng phỏng vấn, chụp ảnh, ghi hình, ghi âm, thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin, dựng phim, giao tiếp, đàm phán, thuyết trình

PLO7: Có khả năng tổ chức, phân công và triển khai các hoạt động chuyên môn phục vụ hoạt động truyền thông: báo chí, quảng cáo, tổ chức các sự kiện, tổ chức họp báo, tuyên

truyền đối ngoại, kỹ năng xây dựng chiến lược truyền thông, quản lý khủng hoảng truyền thông, quan hệ công chúng.

2.3. Thái độ

Các cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện được đào tạo theo mục tiêu tri thức phải đi đôi với đạo đức, có tri thức vững vàng và những phẩm chất nhân văn tốt đẹp:

PLO8: Trung thành những chính sách và pháp luật của Nhà nước về các vấn đề chính trị - xã hội, luật pháp về truyền thông.

PLO9: Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc: nghiêm túc, kỷ luật, cẩn thận, năng động, sáng tạo, nhạy bén, dũng cảm, cầu tiến. Giữ vững đạo đức nghề nghiệp của người làm truyền thông, có ý thức phục vụ cộng đồng, trung thực, hoà đồng, có tinh thần tôn trọng sự thật và tôn trọng sự khác biệt.

2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện có cơ hội làm việc ở nhiều cơ quan, tổ chức báo chí, truyền thông, xuất bản và các cơ quan thuộc các lĩnh vực khác trong xã hội, và có thể đảm nhiệm các vị trí khác nhau. Có thể làm việc ở cả trong nước và quốc tế.

Các cơ quan báo chí – truyền thông: phóng viên, biên tập viên, thông tín viên, bình luận viên, phát thanh viên, người sản xuất chương trình, người dẫn chương trình, chuyên viên quảng cáo, chuyên viên đối ngoại, cộng tác viên.

Các công ty, tổ chức: thông tín viên, chuyên viên tổ chức sự kiện, chuyên viên quảng cáo, chuyên viên giao tế cộng đồng (PR), chuyên viên đối ngoại.

Các trường đại học, cao đẳng và viện nghiên cứu: cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu.

1.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp cử nhân Truyền thông đa phương tiện, sinh viên có thể học lên Thạc sĩ, Tiến sĩ truyền thông, báo chí hoặc các ngành thuộc lĩnh vực khoa học Xã hội và nhân văn.

3. Thời gian đào tạo: 4 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 135 tín chỉ (*chưa tính tín chỉ GDTC & GDQP AN)*

5. Đối tượng tuyển sinh: *Tốt nghiệp Phổ Thông Trung Học*

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (*Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ*

chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

Thang điểm: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (*Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư 57/2012/TT-BG DĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng .*

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c).
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**38**	
Kiến thức giáo dục đại cương (bắt buộc)			**32**	
7.1.1. Lý luận Mác Lenin và Tư rưởng Hồ Chí Minh			**11**	
1	05068	Triết học Mác - Lênin	3(3,0,6)	
2	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2(2,0,4)	
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2,0,4)	
4	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	
5	05071	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2(2,0,4)	
7.1.2. Khoa học xã hội			**5**	
1	00042	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
2	04808	Tư duy biện luận	3(3,0,6)	
7.1.3. Kiến thức ngoại ngữ			**14**	
1	02764	Intensive English-A1a	3(3,0,6)	
2	02765	Intensive English-A1b	4(4,0,8)	
3	02766	Intensive English-A2a	3(3,0,6)	
4	02767	Intensive English-A2b	4(4,0,8)	
7.1.4. Tin học			**2**	
1	00008	Tin học đại cương	2(1,1,3)	
7.1.5. Giáo dục thể chất			**3**	

1	00044	Giáo dục thể chất 1	1(0,1,1)	
2	00045	Giáo dục thể chất 2	1(0,1,1)	
3	03066	Giáo dục thể chất 3	1(0,1,1)	
7.1.5. Gíao dục Quốc phòng			**8**	
21	02309	LT - Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5(5,0,10)	
22	02310	TH - Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3(0,3,3)	
7.2. Kiến thức giáo dục đại cương (tự chọn)			**6**	
1	04179	Tâm lý học đại cương	2(1,1,3)	
2	04184	Tiếng Việt thực hành	2(1,1,3)	
3	04180	Lịch sử văn minh thế giới	2(1,1,3)	
4	04182	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(1,1,3)	
5	04185	Phương pháp học đại học	2(1,1,3)	
6	04187	Giao tiếp văn hóa	2(1,1,3)	
7	04433	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2(1,1,3)	
8	03228	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2(1,1,3)	
9	04178	Xã hội học đại cương	2(1,1,3)	
7.2.1 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
7.2.2 Kiến thức cơ sở ngành			**36**	
Phần bắt buộc			**24**	
1	04330	Nhập môn báo chí truyền thông	2(1,1,3)	
2	04736	Luật báo chí, xuất bản	2(1,1,3)	
3	04737	Ngôn ngữ báo chí	2(1,1,3)	
4	04738	Lịch sử truyền thông – báo chí	2(1,1,3)	
5	04739	Phân tích dữ liệu truyền thông (định lượng, định tính)	2(1,1,3)	
6	04740	Dư luận xã hội và phản biện xã hội	2(1,1,3)	
7	00540	Quan hệ công chúng đại cương	2(1,1,3)	
8	04741	Truyền thông kỹ thuật số	2(1,1,3)	
9	04742	Quan hệ kinh tế quốc tế	2(1,1,3)	
10	04743	Lao động phóng viên	2(1,1,3)	

11	04744	Truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa	2(1,1,3)	
12	05392	Lập trình căn bản	2(1,1,3)	
Phần tự chọn			**12**	
1	04366	Marketing nhập môn	2(1,1,3)	
2	04745	Mỹ thuật học đại cương	2(1,1,3)	
3	04746	Xã hội học truyền thông đại chúng	2(1,1,3)	
4	04747	Quản trị tri thức	2(1,1,3)	
5	04272	Nhân học văn hóa	2(1,1,3)	
6	04363	An ninh truyền thông	2(2,0,4)	
7	04183	Khu vực học nhập môn	2(1,1,3)	
8	04748	Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa	2(1,1,3)	
9	05393	Truyền thông doanh nghiệp	2(1,1,3)	
10	05394	Trí tuệ nhân tạo	2(1,1,3)	
7.2.3 Kiến thức chuyên ngành			**49**	
Phần bắt buộc			**39**	
1	04749	Tác phẩm và thể loại báo chí 1	3(3,0,6)	
2	04750	Tác phẩm và thể loại báo chí 2	3(3,0,6)	
3	02286	Nghiệp vụ biên tập	3(3,0,6)	
4	05396	Báo trực tuyến	3(3,0,6)	
5	04752	Truyền hình	3(3,0,6)	
6	04753	Mạng xã hội	2(1,1,3)	
7	04754	Kịch bản truyền thông	2(1,1,3)	
8	04755	Nội dung số (Content digital)	2(1,1,3)	
9	03270	Quản lý khủng hoảng truyền thông	2(2,0,4)	
10	04756	Thiết kế đồ họa	3(2,1,5)	
11	04332	Ảnh báo chí	2(1,1,3)	
12	04757	Kỹ thuật quay phim và dựng phim	3(1,2,3)	
13	04758	Thiết kế website	2(1,1.3)	
14	02268	Kỹ thuật xử lý hình ảnh (photoshop)	2(1,1,3)	

15	05398	Kỹ thuật âm thanh	2(1,1.3)	
16	05399	Lập trình nâng cao	2(1,1.3)	
Phần tự chọn			**10**	
1	04218	Đàm phán quốc tế	2(1,1,3)	
2	04217	Nghiệp vụ ngoại giao	2(1,1,3)	
3	02284	Truyền thông Marketing	2(1,1,3)	
4	02287	Quan hệ công chúng ứng dụng	2(1,1,3)	
5	03254	Kỹ năng khai thác thông tin trên Internet	2(1,1,3)	
6	02273	Kỹ năng dẫn chương trình	2(1,1,3)	
7	04759	Sản xuất phim ngắn	2(1,1,3)	
8	04348	Thiết kế quảng cáo	2(1,1,3)	
9	03402	Tổ chức sự kiện	2(1,1,3)	
7.2.4. Kiến tập, thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp			**12**	
1	04760	**Kiến tập**	2(0,2,4)	
2	04523	**Thực tập tốt nghiệp**	4(0,4,4)	
3	04214	**Khóa luận tốt nghiệp** *(có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên)*	6(0,6,6)	
7.2.5 Môn thay thế khóa luận				
1	04761	Môn thay thế khóa luận 1: Thiết kế dự án truyền thông	3(3,0,6)	
2	04762	Môn thay thế khóa luận 2: Quản trị dự án truyền thông	3(3,0,6)	
Tổng cộng toàn khóa			**135**	

8. Khung chương trình

8.1. Kế hoạch đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
Học kỳ 1			**16**	
1	02764	Intensive English-A1a	3(3,0,6)	
2	02765	Intensive English-A1b	4(4,0,8)	
3	04808	Tư duy biện luận	3(3,0,6)	

4	04330	Nhập môn báo chí truyền thông	2(1,1,3)	
Môn học tự chọn (Chọn 2 trong 5 môn)			**4**	
5	04180	Lịch sử văn minh thế giới	2(1,1,3)	
6	04179	Tâm lý học đại cương	2(1,1,3)	
7	04178	Xã hội học đại cương	2(1,1,3)	
8	04185	Phương pháp học đại học	2(1,1,3)	
9	04182	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(1,1,3)	
Học kỳ 2			**17**	
1	02766	Intensive English-A2a	3(3,0,6)	
2	02767	Intensive English-A2b	4(4,0,8)	
3	04737	Ngôn ngữ báo chí	2(1,1,3)	
4	04332	Ảnh báo chí	2(1,1,3)	
5	04738	Lịch sử truyền thông – báo chí	2(1,1,3)	
Môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)			**4**	
6	04184	Tiếng Việt thực hành	2(1,1,3)	
7	04187	Giao tiếp văn hóa	2(1,1,3)	
8	04745	Mỹ thuật học đại cương	2(1,1,3)	
9	04366	Marketing nhập môn	2(1,1,3)	
HỌC KỲ HÈ 1				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, …				
Học kỳ 3			**17**	
1	00042	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
2	04757	Kỹ thuật quay phim và dựng phim	3(1,2,3)	
4	00540	Quan hệ công chúng đại cương	2(1,1,3)	
5	05398	Kỹ thuật âm thanh	2(1,1,3)	
6	04740	Dư luận xã hội và phản biện xã hội	2(1,1,3)	
7	04737	Ngôn ngữ báo chí	2(1,1,3)	
Môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)			**4**	
8	03238	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2(1,1,3)	

9	04183	Khu vực học nhập môn	2(1,1,3)	
10	05393	Truyền thông doanh nghiệp	2(1,1,3)	
11	05394	Trí tuệ nhân tạo	2(1,1,3)	
Học kỳ 4			**17**	
	00008	Tin học đại cương	2(1,1,3)	
1	04736	Luật báo chí, xuất bản	2(1,1,3)	
2	04741	Truyền thông kỹ thuật số	2(1,1,3)	
3	04742	Quan hệ kinh tế quốc tế	2(1,1,3)	
4	04743	Lao động phóng viên	2(1,1,3)	
5	04756	Thiết kế đồ họa	3(2,1,4)	
Môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 môn)			**4**	
7	04746	Xã hội học truyền thông đại chúng	2(1,1,3)	
8	04747	Quản trị tri thức	2(1,1,3)	
9	04272	Nhân học văn hóa	2(1,1,3)	
10	04363	An ninh truyền thông	2(2,0,4)	
HỌC KỲ HÈ 2				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, …				
Học kỳ 5			**17**	
1	05068	Triết học Mác - Lênin	3(3,0,6)	
2	04744	Truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa	2(1,1,3)	
3	04739	Phân tích dữ liệu truyền thông (định lượng, định tính)	2(1,1,3)	
4	04749	Tác phẩm và thể loại báo chí 1	3(3,0,6)	
5	05392	Lập trình căn bản	2(1,1,3)	
6	05396	Báo trực tuyến	3(3,0,6)	
Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2 môn)			**2**	
7	04748	Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa	2(1,1,3)	
8	02287	Quan hệ công chúng ứng dụng	2(1,1,3)	
Học kỳ 6			**18**	
1	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2(2,0,4)	

2	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2,0,4)	
3	04750	Tác phẩm và thể loại báo chí 2	3(3,0,6)	
4	04752	Truyền hình	3(3,0,6)	
5	04753	Mạng xã hội	2(1,1,3)	
6	05399	Lập trình nâng cao	2(1,1,3)	
Môn học tự chọn (chọn 2 môn trong 4 môn)			**4**	
7	04218	Đàm phán quốc tế	2(1,1,3)	
8	02273	Kỹ năng dẫn chương trình	2(1,1,3)	
9	04433	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2(1,1,3)	
10	02284	Truyền thông Marketing	2(1,1,3)	
HỌC KỲ HÈ 3				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, …				
Học kỳ 7			**17**	
1	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	
2	05071	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2(2,0,4)	
3	02286	Nghiệp vụ biên tập	3(3,0,6)	
4	04755	Nội dung số (Content digital)	2(1,1,3)	
5	02268	Kỹ thuật xử lý hình ảnh (photoshop)	2(1,1,3)	
6	04753	Kiến tập	2(0,4,4)	
Môn học tự chọn (chọn 2 trong 5 môn)			**4**	
7	03254	Kỹ năng khai thác thông tin trên Internet	2(1,1,3)	
8	04217	Nghiệp vụ ngoại giao	2(1,1,3)	
9	04759	Sản xuất phim ngắn	2(1,1,3)	
10	04348	Thiết kế quảng cáo	2(1,1,3)	
11	03402	Tổ chức sự kiện	2(1,1,3)	
Học kỳ 8			**16**	
1	04753	Thiết kế website	2(1,1,3)	
2	03270	Quản lý khủng hoảng truyền thông	2(2,0,4)	
3	04754	Kịch bản truyền thông	2(1,1,3)	

4	01523	Thực tập tốt nghiệp	4(0,4,4)	
Tự chọn tốt nghiệp				
5	04214	Khóa luận tốt nghiệp	6(0,6,6)	
6	04761	Môn thay thế khóa luận 1: Thiết kế dự án truyền thông	3(3,0,6)	
7	04762	Môn thay thế khóa luận 2: Quản trị dự án truyền thông	3(3,0,6)	
Tổng cộng:			**135**	

8.2 Hướng dẫn thực hiện chương trình

❖ **Chương trình giáo dục đại học này được thiết kế dựa trên văn bản sau:**

- *Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGĐT;*
- *Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT Ngày 17 tháng 2 năm 2011 Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ, tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;*
- *Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 518. / QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 thành lập trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;*
- *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.*

❖ **Yêu cầu đối với sinh viên ngành Truyền thông đa phương tiện**

- Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện Khoa học Xã hội và Ngôn ngữ Quốc tế Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện đầy đủ các danh mục các học phần theo đúng quy định của khung chương trình đào tạo.
- Đề cương chi tiết học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp; thực hiện nội dung giảng dạy và nội dung của các đề thi kết thúc học phần.

- Giảng viên giảng dạy mỗi học phần có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và có chất lượng cao các nội dung dạy và học trong đề cương chi tiết môn học; đảm bảo chính xác phân phối tỷ lệ giờ: Lý thuyết, thảo luận, bài tập thực hành, tự học.
- Lớp học mở theo đăng ký của sinh viên. Mỗi lớp học có ít nhất 20 sinh viên đăng ký trở lên.
- Thời gian cho sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy chế đào tạo của trường. Khi tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong khung chương trình đào tạo thì sinh viên mới được xét cấp bằng tốt nghiệp.

9. Mô tả vắn tắt các môn học

❖ Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – LêNin 1

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1 giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học – bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác- Lênin. Đó là quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; về phép biện chứng duy vật với tư cách là khoa học về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển, về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, bao gồm các nguyên lý, quy luật và các cặp phạm trù; về lý luận nhận thức; về chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực và những quy luật chung của sự vận động, phát triển của lịch sử xã hội loài người.

❖ Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – LêNin 2

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2 bao gồm 2 phần: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa và Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về Chủ nghĩa xã hội. Phần Học thuyết kinh tế giới thiệu 2 học thuyết cơ bản là học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư, qua đó sinh viên được tiếp cận, luận giải các phạm trù kinh tế cơ bản của một nền kinh tế thị trường cạnh tranh tự do. Đồng thời Phần Học thuyết kinh tế cũng luận giải sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn cạnh tranh tự do sang giai đoạn độc quyền, độc quyền nhà nước từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và những đặc điểm kinh tế cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trong giai đoạn này. Phần Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về Chủ nghĩa xã hội giới thiệu những nội dung cơ bản về vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN như: xây dựng nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN, nền văn hóa XHCN, giải quyết các vấn đề về dân tộc và tôn giáo.

❖ Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới;Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

❖ Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Nghiên cứu sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; nghiên cứu đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), đường lối đấu tranh chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); nghiên cứu đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng XHCN, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực như: đường lối công nghiệp hoá; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng, phát triển văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại và kết quả, ý nghĩa việc thực hiện đường lối đó trong thời kỳ đổi mới.

❖ Pháp luật đại cương

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về phân loại và đặc điểm của các hệ thống pháp luật trên thế giới, mối quan hệ giữa pháp luật và nhà nước; đồng thời giúp sinh viên nắm được những nội dung chính của hệ thống pháp luật Việt Nam cũng như sự vận hành của hệ thống này nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho sinh viên. Học phần sẽ giới thiệu những hiểu biết cơ bản về một số ngành luật chính trong pháp luật Việt Nam như: Luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật doanh nghiệp, luật hôn nhân và gia đình, luật lao động…

❖ Tin học đại cương

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; Khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; Sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; Sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức

❖ Giáo dục thể chất 1,2,3

Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

❖ Giáo dục quốc phòng

Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng.

❖ **Xã hội học đại cương**

Học phần trang bị cho sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng những kiến thức cơ bản về hệ thống lý luận Xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của ngành khoa học xã hội trong tiến trình phát triển của nhận thức, tiến bộ xã hội và khoa học kỹ thuật; các khái niệm, phạm trù và các lĩnh vực nghiên cứu chính của khoa học xã hội học trong đời sống con người thông qua các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu, học tập môn học xã hội học.

❖ **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Giới thiệu những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học.

Hướng dẫn các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề , tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo các đề tài nghiên cứu.

❖ **Tâm lý học đại cương**

Bao gồm những kiến thức của tâm lý học đại cương: Những vấn đề chung của tâm lý học. Yêu cầu sinh viên nắm vững hệ thống tri thức cơ bản, khoa học hiện đại về tâm lý học đại cương. Các quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý con người. Hình thành kỹ năng học tập và hiểu được các tri thức tâm lý học vào việc rèn luyện bản thân, giải thích các hiện tượng tâm lý con người theo quan điểm khoa học

❖ **Tiếng Việt thực hành**

Nội dung môn học gồm 2 phần chính: những vấn đề cơ bản về tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt, những vấn đề chung về văn bản tiếng Việt và thực hành văn bản tiếng Việt.

❖ **Giao tiếp văn hóa**

Môn học này cung cấp những kiến thức nền tảng về kỹ năng giao tiếp, bao gồm những nguyên tắc giao tiếp cơ bản, phương thức giao tiếp hiệu quả và phù hợp theo từng môi trường và tình huống. Thông qua các bài tập trắc nghiệm về bản thân, bài tập tình huống, với các lý thuyết cơ bản, sinh viên sẽ (1) nhận biết giá trị bản thân; (2) hoàn thiện kỹ năng giao tiếp cá nhân; (3) bước đầu ý thức về hội nhập cộng đồng; và (4) tạo dựng tiền đề cơ bản của văn minh trong giao tiếp.

❖ **Tư duy phản biện**

Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả.

❖ **Lịch sử văn minh thế giới**

Môn học giúp sinh viên hiểu rõ những giai đoạn lớn trong lịch sử phát triển của loài người. Lý giải được tại sao xã hội loài người phát triển không ngừng. Qua đó hình thành ý thức trân trọng và bảo vệ những gì mà sinh viên đang được thụ hưởng từ mọi nền văn hóa khác nhau.

❖ **Cơ sở văn hóa Việt Nam**

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cần thiết về nền văn hóa dân tộc. Nền văn hóa đó được xây dựng theo một hệ thống hoàn chỉnh từ cơ sở ngôn ngữ, phong tục, tập quán…và nhất là nó được xây dựng trên một cơ sở tư tưởng của người Việt.

❖ **Tiến trình lịch sử Việt Nam**

Môn học mang tính thực, sinh viên sẽ được đi tham quan thực tế các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử… của đất nước để hiểu đươc tiến trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc của các thế hệ người Việt Nam.

❖ **Phương pháp học đại học**

Giúp sinh viên làm quen với môi trường đại học với những phương pháp học mang tính độc lập, thiết lập được kế hoạch phát triển bản thân, định hướng tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng qua các câu lạc bộ.

❖ **Nhập môn báo chí truyền thông**

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản báo chí truyền thông: Sự ra đời của các truyền thông trên thế giới và Việt Nam, các khái niệm cần yếu (truyền thông, truyền thông đa phương tiện, báo in, radio, television, internet...); Các loại hình truyền thông cơ bản; Ưu thế của truyền thông nói chung và truyền thông hiện đại; Công nghệ và truyền thông; v.v.

❖ **Luật báo chí**

Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản về pháp luật; quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí-xuất bản (những nguyên tắc cơ bản, bộ máy nhà nước và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí-xuất bản); pháp luật về báo chí (cơ quan báo chí- các loại hình, nhiệm vụ và quyền hạn; nhà báo, cộng tác viên – nhiệm vụ và quyền hạn); pháp luật về xuất bản (hệ thống pháp luật điều chỉnh về xuất bản, quyền và nghĩa vụ công dân đối với hoạt động xuất bản, quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản). Môn học cũng đề cập đến vấn đề quyền tác giả (qui chế bảo hộ quyền tác giả, chuyển giao quyền sở hữu tác phẩm…) và trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực báo chí-xuất bản.

❖ **Lịch sử truyền thông**

Môn học cung cấp kiến thức về lịch sử truyền thông thế giới và Việt Nam. Từ các hình thức truyền thông thế giới thời cổ đại , lịch sử truyền thông của một số quốc gia tiêu biểu, lịch sử truyền thông Việt Nam. Tổng hợp, hệ thống lại những vấn đề lớn trong quá trình phát triển của truyền thông thế giới và Việt Nam.

❖ **Phân tích dữ liệu truyền thông**

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về truyền số liệu qua mạng viễn thông. Các nội dung chính bao gồm: cấu trúc phân lớp và hoạt động của mạng truyền số liệu, cơ sở kỹ thuật truyền số liệu số, các phương pháp mã hóa và xử lý tín hiệu trước khi truyền, các giao thức đảm bảo truyền dẫn tin cậy, và các giao thức thuộc lớp liên kết dữ liệu. Gắn với lý thuyết là phần thực hành phân tích giao thức truyền dữ liệu qua mạng Internet.

❖ **Dư luận xã hội và phản biện xã hội**

Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nền tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Bên cạnh đó, môn học sẽ phát triển những kỹ năng tư duy phản biện thông qua thảo luận và thực hành những phương pháp, những công cụ tư duy hữu ích cho sự phát triển năng lực trí tuệ của cá nhân và cộng đồng.

❖ **Quan hệ công chúng đại cương**

Môn học cung cấp kiến thức đại cương về lĩnh vực quan hệ công chúng, các nguyên lý quan hệ công chúng, các hoạt động quan hệ công chúng, các quan hệ giữa PR với các phương tiện truyền thông…

❖ **Truyền thông kỹ thuật số**

Môn học giúp sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về dữ liệu đa phương tiện, xử lý và truyền thông đa phương tiện, các ứng dụng và phân loại các hệ thống đa phương tiện; Các phương pháp biểu diễn, các đặc tính cơ bản và các yêu cầu của dữ liệu đa phương tiện (âm thanh, hình ảnh, video kỹ thuật số); Nguyên lý, kỹ thuật và các chuẩn nén dữ liệu: âm thanh, hình ảnh và Video kỹ thuật số; Các khái niệm, các yêu cầu, và các kỹ thuật được sử dụng để đảm bảo chất lượng dịch vụ từ đầu này đến đầu kia của truyền thông đa phương tiện; Các yêu cầu và cơ chế đồng bộ hoá trong truyền thông đa phương tiện.

❖ **Quan hệ kinh tế quốc tế**

Môn học cung cấp hiểu biết sâu sắc về các hoạt động cơ bản của kinh tế quốc tế bao gồm sự dịch chuyển về hàng hóa, về vốn, về tiền tệ, về sức lao động và khoa học công nghệ đặt trong mối quan hệ giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ và doanh nghiệp. Từ lý thuyết nền tảng giải thích sự hình thành, vận động và phát triển của kinh tế quốc tế cùng với các công cụ phân tích từ kinh tế, kinh doanh và khoa học chính trị, các chủ thể xây dựng chiến lược và chính sách thích hợp khi tham gia vào các quan hệ kinh tế quốc tế này.

❖ **Lao động phóng viên**

Môn học đi sâu vào đặc thù lao động của phóng viên (yêu cầu, tính chất công việc, yêu cầu về phẩm chất, năng lực) và các kỹ năng cụ thể trong quá trình lao động tích lũy và

quá trình lao động tác nghiệp, từ cách xây dựng các mối quan hệ, thiết lập và duy trì hệ thống nguồn tin, phát hiện đề tài, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin đến các bước hoàn thiện một sản phẩm báo chí...

❖ **Truyền thông trong bối cảnh toàn cầu hóa**

Môn học nhằm mục đích làm sáng tỏ quy trình đương đại của toàn cầu hoá các mạng lưới và hệ thống thông tin và truyền thông. Đâu là nguồn gốc? Ai là đã và đang là nhân tố chủ chốt cũng như những chiến dịch của nó? Làm thế nào để quyền lực kinh tế mang tầm vóc quốc tế của và khoa học kỹ thuật trở thành một nhân tố chủ chốt trong việc tái định nghĩa LHQ? Những vấn đề sau có thường xuyên được đề cập: nguồn gốc của truyền thông toàn cầu lý tưởng; sự nổi dậy của những mạng lưới kỹ thuật và ngành công nghiệp văn hoá; những bản tường trình về chiến tranh; kỉ nguyên không gian; sự tranh chấp trong trật tự truyền thông toàn cầu; toàn cầu hoá mạng lưới địa chính trị, v.v.

❖ **Mỹ thuật học đại cương**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về mỹ thuật cơ bản, lịch sử mỹ thuật công nghiệp thế giới qua các cuộc cách mạng công nghiệp và bước quá độ hình thành ngành nghề mới mẻ này; khám phá các thành tựu mỹ thuật công nghiệp và chân dung các nhà tạo dáng công nghiệp quốc tế.

❖ **Xã hội học về truyền thông đại chúng và dư luận xã hội**

Truyền thông là một hoạt động cơ bản của mỗi xã hội. Truyền thông đại chúng là một quá trình xã hội trong đó thông tin được truyền đạt rộng rãi đến mọi người trong xã hội thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình. Đặc điểm lớn nhất của đời sống truyền thông đại chúng là nó nhanh chóng dẫn đến hệ quả hình thành một định chế xã hội mới trong xã hội. Định chế này đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến thông tin và kiến thức cho người dân mà còn tác động một cách mạnh mẽ đbến các định chế khác trong xã hội. Vì thế nghiên cứu về truyền thông trong xã hội học là nhu cầu cần thiết nhất định.

❖ **Ngôn ngữ báo chí**

Môn học cung cấp kiến thức về ngôn ngữ truyền thông, những vấn đề về sử dụng ngôn ngữ, đặc điểm ngôn trong các loại hình truyền thông, đặc điểm ngôn ngữ trong các nhóm thể loại truyền thông, ngôn ngữ tiêu đề.

❖ **Khu vực học nhập môn**

Môn học trình bày một cách có hệ thống những tri thức cơ bản liên quan đến khu vực học như: các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu khu vực, quan điểm tiếp cận, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của ngành nghiên cứu khu vực. Bên cạnh đó, những tri thức, những quan điểm khác nhau về sự ra đời cũng như các thời kỳ phát triển của bộ môn nghiên cứu

khu vực cũng được đề cập ở mức độ thích đáng. Môn học cũng dành một phần quan trọng để giới thiệu một số phương pháp nghiên cứu khu vực, giúp sinh viên tiếp xúc với các phương pháp này thông qua các bài tập nghiên cứu nhỏ. Cuối cùng, môn học cũng dành một chương đề cập đến các tiêu chí phân định khu vực và tương ứng với chúng là các loại hình khu vực khác nhau. Đặc biệt môn học còn giúp sinh viên tiếp xúc với các vấn đề đang còn tranh luận trong nghiên cứu khu vực.

❖ **Marketing nhập môn**

Marketing nhập môn là học phần chuyên môn thuộc kiến thức ngành Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan, nguyên lý về Marketing như: Định nghĩa về Marketing, chức năng Marketing hiện đại, đại cương hoạt động Marketing của doanh nghiệp: môi trường Marketing và thị trường của doanh nghiệp, nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng, phương pháp luận nghiên cứu Marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp: chiến lược và các chính sách Marketing căn bản.

❖ **Nghiệp vụ biên tập**

Môn học cung cấp kiến thức về các vấn đề: tầm quan trọng của công tác biên tập, đặc thù lao động biên tập trong hoạt động báo chí, các vị trí biên tập trong cơ quan báo chí, các hoạt động nghiệp vụ trong công tác biên tập, qui trình biên tập, xử lý tin bài trong tòa soạn, kỹ năng biên tập văn bản báo chí, khía cạnh tâm lý trong công tác biên tập. Môn học cũng giới thiệu một số phần mềm xử lý văn bản giúp cho công việc biên tập nhanh và hiệu quả hơn.

❖ **Kỹ năng khai thác thông tin trên Internet**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Internet và hệ thống công cụ tìm kiếm, giúp cho sinh viên các phương pháp, thủ thuật tìm kiếm thông tin nhanh, tinh chỉnh và tin cậy. Đồng thời, vận dụng các kỹ năng khai thác thông tin vào các công việc làm truyền thông như phát hiện đề tài, biên tập tác phẩm, thẩm định thông tin…. Từ các nguồn trên mạng.

❖ **Tổ chức sự kiện**

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về tổ chức sự kiện như định nghĩa sự kiện, cách phân loại sự kiện, cách phân loại sự kiện, cách lập kế hoạch tổ chức sự kiện, cách xử lý tình huống… để giúp cho sinh viên có thể lên kế hoạch và tổ chức một số sự kiện quy mô nhỏ. Học phần cũng có những bài thực hành và gặp gỡ những chuyên gia tổ chức sự kiện, sinh viên sẽ làm quen với công việc tổ chức sự kiện cũng như có thêm những kinh nghiệm cho hoạt động tổ chức sự kiện trong nhiều lĩnh vực.

❖ **Quan hệ công chúng ứng dụng**

Môn học đi sâu vào các hoạt động quan hệ công chúng trong thực tiễn như PR trong nội bộ doanh nghiệp, PR trong công ty cung cấp dịch vụ PR, xây dựng thương hiệu công ty,

hình ảnh cá nhân, tổ chức hoạt động tài trợ, tổ chức sự kiện, họp báo, lập kế hoạch PR, quản lý tổ chức thực hiện chương trình PR và đánh giá hiệu quả chương trình PR. Sinh viên cũng được học kỹ năng giao tiếp và diễn thuyết, kỹ năng viết thông cáo báo chí và các dạng bài PR.

❖ **Truyền thông Marketing**

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về Marketing (khách hàng mục tiêu, định vị, thị trường mục tiêu….). cung cấp kiến thức cơ bản về truyền thông marketing (khái niệm, vai trò, mục tiêu, công cụ của truye62n thông marketing). Phương pháp phân tích và lập kế hoạch truyền thông marketing (các bước trong quá trình phát triển chiến lược, sáng tạo thông điệp marketing, lựa chọn các kênh truyền thông, xây dựng ngân sách, đo lường kết quả của chiến lược).

❖ **Thiết kế quảng cáo**

Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về quảng cáo (định nghĩa, vai trò, chức năng, lịch sử của quảng cáo, vấn đề văn hóa và đạo đức trong quảng cáo); tổ chức hoạt động của phòng quảng cáo và công ty quảng cáo; đặc điểm của quảng cáo trên các phương tiện báo in, radio, truyền hình; quảng cáo ngoài trời và trên các phương tiện giao thông công cộng; các loại hình quảng cáo khác; kế hoạch sử dụng các phương tiện truyền thông cho quảng cáo.

❖ **Quản trị tri thức**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tri thức - một trong những yêu cầu quan trọng của hoạt động quản lý nói chung và quản lý tại các cơ quan thông tin – thư viện nói riêng trong thế kỷ XXI. Thông qua môn học này sinh viên có thể nắm bắt các khái niệm cơ bản như dữ liệu, thông tin, tri thức, quản trị tri thức. Xác định được những đặc điểm của tri thức và phân loại tri thức. Nêu bật vai trò của tri thức trong xã hội nói chung và trong nền kinh tế tri thức nói riêng. Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của tri thức và quản trị tri thức. Nhận thức rõ vai trò củacác cơ quan thông tin - thư viện trong việc quản trị tri thức. Đi sâu nghiên cứu những ứng dụng của quản trị tri thức trong các cơ quan tổ chức. Tìm hiểu quy trình quản trị tri thức. Nắm bắt được các khía cạnh kinh tế, các vấn đề đạo đức và pháp luật của quản trị tri thức.

❖ **Nhân học văn hóa**

Nghiên cứu đời sống văn hóa của con người bao gồm tín ngưỡng, tôn giáo, các hoạt động sống, các giá trị nhân văn, ý tưởng, công nghệ, kinh tế, v.v... Thông qua nhiều phương pháp và lý thuyết tiếp cận, các nhà nhân học văn hóa nghiên cứu văn hóa trên nhiều mặt đời sống của con người trên thế, giới từ giai đoạn cổ đại đến gian đoạn công nghiệp và hậu công nghiệp.

❖ **Truyền thông doanh nghiệp**

Môn học giới thiệu cho sinh viên các khái niệm và thuật ngữ chuyên dụng trong lĩnh vực truyền thông doanh nghiệp, trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để xác định, phân biệt, phân tích các thành tố quan trọng (cả bên trong và bên ngoài) tác động đến hình ảnh và thương hiệu của một doanh nghiệp hoặc tổ chức. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng lập chiến lược, vận hành và quản trị các kế hoạch truyền thông một cách hiệu quả, sử dụng linh hoạt các công cụ truyền thông tiên tiến, hiện đại giúp tiếp cận đối tượng công chúng mục tiêu một cách hiệu quả, lựa chọn phương thức phù hợp để tương tác, thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ với các cấp chính quyền, giới truyền thông, báo chí, các nhóm công chúng và các bên hữu quan khác. Dựa trên những kiến thức đó, sinh viên còn được hướng dẫn phương pháp và thực hành nghiên cứu, phân tích, đánh giá các chiến lược truyền thông cụ thể của các doanh nghiệp và tổ chức tại thị trường Việt Nam và trên thế giới, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân và nghề nghiệp trong tương lai.

❖ **Trí tuệ nhân tạo**

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng nhập môn trí tuệ nhân tạo các phương pháp biểu diễn vấn đề, các phương pháp tìm kiếm, các phương pháp biểu diễn tri thức, các thuật toán suy diễn tự động, các phương pháp lập luận không chắc chắn. Sinh viên có khả năng áp dụng các kiến thức vào giải quyết các bài toán thực tế. Sinh viên biết cách đưa ra biểu diễn thích hợp cho 1 vấn đề cụ thể, biết cách biểu diễn tri thức và có thể đề xuất các phương pháp tìm kiếm, lập luận thích hợp.

❖ **Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa**

Cung cấp về điều kiện tự nhiên xã hội, chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam.

Cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa Việt Nam

Các vùng văn hóa Việt Nam và đặc trưng bản sắc văn hóa của từng vùng trên lãnh thổ Việt Nam

❖ **Tác phẩm và thể loại báo chí**

Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về tác phẩm và thể loại báo chí, gồm 3 phần: Phần thứ nhất, giới thuyết tác phẩm báo chí; phân tích đặc điểm của tác phẩm báo chí; luận chứng về tính chỉnh thể và vai trò trung tâm của tác phẩm báo chí trong đời sống báo chí; các yếu tố nội dung, các yếu tố hình thức và mối quan hệ giữa chúng trong tác phẩm báo chí; tiêu chí đánh giá chất lượng tác phẩm báo chí; các thành phần của tác phẩm báo in.

Phần thứ hai, giới thiệu và phân tích đặc điểm của thể loại báo chí; điều kiện và quy luật hình thành thể loại báo chí; tiêu chí nhận diện và phân chia thể loại báo chí; xu hướng phát triển của thể loại báo chí.

Phần thứ ba, phân tích đặc điểm các loại tác phẩm báo chí cơ bản như thông tấn, ký, chính luận và các thể loại tiêu biểu của từng loại tác phẩm đó, gồm tin, phỏng vấn, tường thuật, phóng sự, ký chân dung, tiểu phẩm, bình luận, xã luận, chuyên luận ...

❖ **Báo trực tuyến**

Cung cấp kiến thức lý thuyết về thể loại Tin (khái niệm, đặc điểm, phân loại); phong cách viết tin cho các loại hình báo chí khác nhau (viết để đọc-báo điện tử, viết để nghe-phát thanh, viết để nghe/ nhìn-truyền hình...); tiêu chí chọn lọc tin tức, kỹ năng tìm kiếm đề tài, khai thác các nguồn tin, thu thập và xử lý thông tin; phân biệt cấu trúc tin với bài, kỹ thuật viết tin theo cấu trúc hình tháp ngược, đặt tít cho tin.

❖ **Truyền hình**

Cung cấp những kiến thức chung về truyền hình, như: các khái niệm và thuật ngữ; đặc trưng loại hình; lịch sử truyền hình thế giới và Việt Nam; hệ thống đài truyền hình quốc gia và địa phương; cơ cấu tổ chức và hoạt động của một đài truyền hình; vai trò và nhiệm vụ của các thành viên trong êkíp sản xuất chương trình; cấu trúc chương trình truyền hình; kế hoạch sản xuất và phân bổ chương trình phát sóng; qui trình sản xuất chương trình truyền hình và tổng quan về các thể loại truyền hình.

❖ **Mạng xã hội**

Môn học cung cấp cho sinh viên nhựng kết thức về mạng xã hội. Cộng đồng của mạng xã hội. Tính lan truyền của mạng xã hội. Dự đoán những bước phát triển của mạng xã hội.

❖ **Kịch bản truyền thông**

Lý thuyết chung về kịch bản, Nguyên tắc của một kịch bản Truyền hình, Viết kịch bản về Đơn vị (dạng phóng sự ngắn), Viết Kịch bản PR nhân vật, Viết kịch bản PR dạng phóng sự dài, Phỏng vấn trong PR, Những lỗi thường gặp trong viết kịch bản PR, Phân biệt giữa cách viết kịch bản PR và các kịch bản khác, Hoàn thành một kịch bản PR.

❖ **Nội dung số (Content digital)**

Cung cấp kiến thức về các khái niệm và các vấn đề hiện thực liên quan đến các hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Nội dung môn học bao gồm sự hiện thực hóa vật lý của mô hình dữ liệu quan hệ như: cấu trúc tập tin, quản lý lưu trữ và truy xuất bộ nhớ thứ cấp, các kỹ thuật chỉ mục, xử lý và tối ưu hóa truy vấn. Kế đến môn học đề cập những vấn đề và kỹ thuật để đối phó với môi trường ứng dụng nhiều người dùng: vấn đề xử lý giao tác, điều khiển tương tranh và vấn đề khôi phục dữ liệu.

❖ **Công chúng truyền thông**

Về lý thuyết, môn học trang bị cho SV kiến thức lý luận về công chúng và hoạt động tiếp nhận truyền thông của công chúng. Về thực hành, dưới sự hướng dẫn của giảng

viên, sinh viên được rèn luyện những kỹ năng nghiên cứu và xác định công chúng. Ngoài ra, môn học còn giúp chuẩn bị tinh thần và củng cố niềm đam mê cho những sinh viên có ý định trở thành nhà nghiên cứu truyền thông.

❖ Quản lý khủng hoảng truyền thông

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quản lý khủng hoảng, bao gồm các loại khủng hoảng, nguyên nhân khủng hoảng, cách phòng tránh và xử lý khi khủng hoảng xảy ra. Trên cơ sở nắm bắt lý thuyết, học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp để lên kế hoạch xử lý khủng hoảng, giúp sinh viên có khả năng phân tích và đề ra chiến lược thực hiện các bước xử lý khủng hoảng trong thực tế.

❖ Thiết kế đồ họa

Học phần gồm 3 nội dung chính sau đây:

+ Vẽ nét, tạo hình với đồ họa vector

+ Xử lý ảnh kỹ thuật số

+ Kết hợp để áp dụng vào việc thiết kế các sản phẩm ứng dụng thiết thực như: Logo, Namecard, Backdrop, Standee, Banner, Poster, lịch, xử lý ảnh nghệ thuật, làm ảnh chân dung, phục chế ảnh, …

❖ Kỹ thuật quay phim và dựng phim

Môn học đi vào các vấn đề liên quan đến kỹ thuật truyền hình như nguyên lý hoạt động (truyền hình analog, truyền hình kỹ thuật số) phương thức truyền tải và phát tín hiệu (viba, cáp quang, vệ tinh); cấu tạo và cách sử dụng các thiết bị quay phim; kỹ thuật ghi hình (các cỡ cảnh, động tác máy, góc máy, cách lấy một shot hình chuẩn); kỹ thuật thu âm; kỹ thuật dựng phim phi tuyến; kỹ thuật truyền hình trực tiếp.

❖ Nhiếp ảnh và xử lý ảnh

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng nhiếp ảnh (các tính năng cơ bản của máy ảnh số, cách xử lý ánh sáng và bố cục, kỹ thuật chụp ảnh chấn dung, ảnh phong cảnh, ảnh thể thao và ảnh báo chí.

❖ An ninh truyền thông

Học phần nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về an ninh truyền thông; tìm hiểu các yếu tố và đặc điểm cơ bản của an ninh truyền thông, phân tích ý nghĩa của các nguyên lý an ninh trong các hoạt động truyền thông. Kết thúc học phần, sinh viên phải có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản, nắm được các nguyên lý hoạt động an ninh truyền thông, kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực truyền thông nhằm xây dựng các chiến lược truyền thông an toàn, góp phàn hoàn thành mục tiêu của tổ chức.

❖ Thiết kế website

Cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về Internet và Website; Nguyên lý cơ bản trong thiết kế website; Các cấp độ phát triển một ứng dụng Website; Ngôn ngữ sử dụng để thiết kế Website. Dùng Wordpress xây dựng ứng dụng Website.

❖ Đàm phán Quốc tế

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đàm phán nói chung và đàm phán ngoại giao nói riêng từ góc độ khoa học (những kết quả nghiên cứu khoa học cơ bản liên quan đến đàm phán), nghệ thuật (sự vận dụng lý thuyết và kinh nghiệm một cách hiệu quả, sáng tạo) và nghiệp vụ (với tư cách là một chức năng của ngoại giao). Nhiều góc độ của đàm phán sẽ được phân tích như lợi ích, luật pháp, quyền lực, đạo đức, yếu tố tâm lý, cảm xúc, thời gian, văn hoá …trên cơ sở hệ thống tri thức đa ngành (chính trị học, kinh tế học, tâm lý học, xã hội học và văn hoá học).

❖ Kỹ năng dẫn chương trình

Cung cấp yêu cầu cơ bản đối với người dẫn chương trình, nhiệm vụ của người dẫn chương trình (trong chương trình không có khán giả - khi dẫn ở trường quay hay dẫn hiện trường, trong các chương trình đối thoại truyền hình); các bước chuẩn bị, phương pháp viết lời dẫn, nghệ thuật đặt câu hỏi, phong cách dẫn.

❖ Sản xuất phim ngắn

Cung cấp kiến thức về đặc điểm thể loại, quy trình / phương pháp thực hiện phóng sự truyền hình và phim tài liệu truyền hình; đồng thời, rèn luyện kỹ năng tư duy hình ảnh, kỹ năng lập kết cấu cho tác phẩm, cách viết kịch bản, viết lời bình, lời dẫn cho phóng sự và phim tài liệu. Sinh viên sẽ thực hành theo nhóm với sản phẩm là một phóng sự ngắn và một trường đoạn trong phim tài liệu.

❖ Lập trình căn bản

Nội dung môn Lập trình căn bản điện tử nhằm chuẩn bị cho sinh viên các ngành kỹ thuật các kiến thức căn bản về lập trình, giải thuật, cách trình bày giải thuật để giải quyết một vấn đề thực tế có liên quan đến lập trình trên máy tính, cho các thiết bị điều khiển thông minh, các thiết bị vi điều khiển, vi xử lý, cài đặt các qui trình tự động, ...

Cụ thể, môn học này bao gồm các nội dung sau:

- Các kiến thức cơ bản về về ngôn ngữ lập trình, kiểu dữ liệu cơ cản, kiểu dữ liệu có cấu trúc (cấu trúc dữ liệu);
- Các khái niệm về thuật toán, ngôn ngữ biểu diễn thuật toán (giải thuật);
- Cách sử dụng một trong các ngôn ngữ cấp cao để trình bày thuật toán, giải bài toán trên máy tính;
- Môn học này sẽ sử dụng ngôn ngữ lập trình C vì đây là ngôn ngữ lập trình được sử dụng phổ biến trong kỹ thuật hiện nay. Có nền tảng ngôn ngữ C, sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận nhanh chóng với

các ngôn ngữ lập trình cấp cao khác. Việc lựa chọn ngôn ngữ lập trình có thể thay đổi theo học kỳ, tuỳ theo giáo viên giảng dạy.

❖ **Lập trình nâng cao**

Môn học giúp sinh viên về tư duy và các kỹ thuật nâng cao trong lập trình. Môn học cũng giúp sinh viên có khả năng dễ dàng thích ứng với các ngôn ngữ lập trình bậc cao khác nhau và bước đầu thể hiện t nh chuyên nghiệp trong lập trình. Sinh viên có các kiến thức về giải quyết các vấn đề bằng các kỹ thuật lập trình thông qua ngôn ngữ lập trình bậc cao. Sinh viên cũng có thể bước đầu lập trình nhóm và tự học các ngôn ngữ lập trình bậc cao khác một cách dễ dàng.

❖ **Kỹ thuật âm thanh**

Giới thiệu kiến thức cơ bản về âm học, tín hiệu âm thanh và kỹ thuật xử lý tín hiệu âm thanh, thiết bị âm thanh, kỹ thuật ghi âm và lồng tiếng.

❖ **Thực tập tốt nghiệp**

Sinh viên đến cách cơ quan báo, đài truyền hình, đài phát thanh, sở thông tin truyền thông, công ty truyền thông thực tập theo chủ đề (do thầy hướng dẫn đặt ra hoặc tự lựa chọn). Đây là giai đoạn giúp sinh viên làm quen với thực tế công việc, trao dồi thêm kiến thức và kỹ năng giữa học tập và thực tế yêu cầu của các cơ quan truyền thông. Kết quả phải có báo cáo và trình bày báo cáo trước bộ môn. Đề tài này có thể phát triển tiếp thành đồ án tốt nghiệp.

❖ **Khóa luận tốt nghiệp**

Khóa luận tốt nghiệp la một công trình cá nhân về một vấn đề trong lĩnh vực truyền thông do sinh viên lựa chọn dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và được duyệt bởi bộ môn và Hội đồng Khoa học khoa. khóa tốt nghiệp thường được phát triển từ thực tập tốt nghiệp. Báo cáo khóa tốt nghiệp phải trình bày rõ vấn đề cần giải quyết, giải pháp lựa chọn, các kết quả, hướng phát triển và kết luận, có báo cáo và trình bày kết quả trước hội đồng bảo vệ khóa luận.